

Bản án số 18/2019/HS-ST
Ngày 04 tháng 9 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Sỹ Thái-Chủ tịch hội đồng mục vụ giáo họ T, thị trấn T, huyện P, tỉnh H.

Ông Trần Văn Dũng-Phó chủ tịch HĐND xã M, huyện P, tỉnh H.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hùng là thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Thanh Hà-Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Chí V, sinh năm 1985.

Sinh, trú quán: thôn H, xã M, huyện P, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị Th; ông V được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Ba, hạng Nhì và huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì; vợ, con: Chưa.

Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án:

Bản án số 319/2012/HSST ngày 27/11/2012, Tòa án nhân dân Thành phố H, tỉnh Q xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2014.

Bản án số 24/2014/HSST ngày 21/8/2014, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bản án số 126/2014/HSPT ngày 13/10/2014, Tòa án nhân dân tỉnh H xét xử phúc thẩm đã quyết định: Giữ nguyên bản án số 24/2014/HSST ngày 21/8/2014, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H.

Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/5/2016.

Bản án số 45/2016/HSST ngày 26/12/2016, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/02/2019.

Tiền sự: Không.

Tạm giam từ ngày 06/6/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh H.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn A, xã M, huyện P, tỉnh H.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1966-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn H, xã M, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 31/5/2019, Nguyễn Chí V, sinh năm 1985 ở thôn H, xã M, huyện P, tỉnh H đến nhà anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1966 ở cùng thôn chơi và ngủ lại tại gian nhà của bà Bùi Thị C ở cạnh nhà anh T (bà C là mẹ anh T, đi vắng từ tháng 4/2019 và giao cho anh T trông coi). Đến khoảng 02 giờ ngày 01/6/2019, V tỉnh ngủ và thấy trời mưa, V nảy sinh ý định đột nhập nhà ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965 ở thôn A, xã M, huyện P, tỉnh H để trộm cắp tài sản. V dậy và đi bộ từ nhà bà C đến nhà ông L. Khi đến nhà ông L, V cởi áo ngoài vắt ở tường bao rồi trèo tường vào vườn nhà ông L. Khi vào bên trong, V phát hiện trong lán để xe của gia đình ông L có dựng 04 chiếc xe mô tô. V dùng tay cây cốp của 02 xe mô tô để tìm tài sản nhưng không phát hiện gì; V tiếp tục cây cốp của 02 xe mô tô còn lại nhưng không cây được. Sau đó V phát hiện gian bếp nhà ông L không khóa nên mở cửa đi vào, V thấy trên cây treo quần áo, gần

cửa sổ gian bếp có treo 01 chiếc quần vải, V lục tìm thì phát hiện tại túi sau chiếc quần trên có 01 ví da màu nâu. V lấy chiếc ví và quay lại tường bao, lấy áo rồi quay về nhà bà C. Tại nhà bà C, V kiểm tra chiếc ví vừa trộm cắp được tại nhà ông L thì thấy có số tiền 3.600.000 đồng và các giấy tờ gồm: 01 Chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 89B1-588.65; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe mô tô trên tất cả đều mang tên Nguyễn Văn L. V lấy hết số tiền 3.600.000 đồng trong ví, sau đó lấy 01 áo mưa màu hồng bọc chiếc ví da cùng toàn bộ số giấy tờ mang tên ông Nguyễn Văn L nêu trên, bỏ vào 01 chiếc túi nilon màu xanh rồi vứt trên nóc mái gian để đồ của nhà anh Nguyễn Quang T. Sau đó V bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 04/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Cù đã làm việc được với V, V khai báo về hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông L nêu trên và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 mũ lưỡi trai màu xanh-trắng; 01 ví da màu nâu, bên trong có số tiền 3.050.000 đồng; 01 thẻ căn cước công dân; 02 giấy phép lái xe hạng A1 và hạng C đều mang tên Nguyễn Chí V; 01 vé xe khách tuyến G (HN) đi bến xe M (Thành phố H). Đến ngày 05/6/2019, khi được người thân cho tiền, Nguyễn Chí V tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra số tiền 550.000 đồng để bồi thường cho người bị hại.

Ngày 05/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiến hành khám xét khẩn cấp địa điểm là nơi ở của anh Nguyễn Quang T ở thôn H, xã M, huyện P, tỉnh H thu giữ các vật chứng gồm: 01 túi nilon màu xanh, bên trong có: 01 áo mưa màu hồng; 01 Chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 89B1-588.65, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe mô tô trên tất cả đều mang tên Nguyễn Văn L.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Cù đã ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Chí V. Không thu giữ đồ vật tài liệu gì có liên quan.

Số tiền 3.050.000 đồng Cơ quan điều tra đã quản lý của Nguyễn Chí V và số tiền 550.000 đồng V đã nộp thêm để bồi thường cho người bị hại cùng các vật chứng gồm: 01 ví da; 01 Chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 89B1-588.65; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe mô tô trên, quá trình điều

tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Cù đã trả cho ông Nguyễn Văn L, ông L đã nhận đủ tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự.

01 mũ lưỡi trai màu xanh- trắng, 01 ví da màu nâu, 01 áo mưa hoa màu hồng, 01 túi nilon màu xanh, 01 thẻ căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng C đều mang tên Nguyễn Chí V hiện đang quản lý tại kho vật chứng Công an huyện P.

Anh Nguyễn Quang T không biết Nguyễn Chí V có hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông Nguyễn Văn L nên không xem xét xử lý.

Quá trình điều tra, Nguyễn Chí V thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên, phù hợp với lời khai người bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám xét khẩn cấp, lời khai người làm chứng và các vật chứng đã thu giữ.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKSPC ngày 08/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H đã truy tố bị cáo Nguyễn Chí V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo khẳng định lời khai tại giai đoạn điều tra là đúng và không bị ép buộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 và có quan điểm đề nghị: Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường toàn bộ cho người bị hại; bố đẻ bị cáo là người có công với nước .

Bị cáo có nhân thân xấu.

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử : Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo V từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Do bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án:

Trả lại cho bị cáo: 01 thẻ căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng C đều mang tên Nguyễn Chí V.

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 mũ lưỡi trai màu xanh- trắng, 01 ví da màu nâu, 01 áo mưa hoa màu hồng, 01 túi nilon màu xanh.

Các vấn đề khác không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

Bị cáo nhất trí không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Do có ý định trộm cắp tài sản của người khác để ăn tiêu nên khoảng 02 giờ ngày 01/6/2019, Nguyễn Chí V, sinh năm 1985 ở thôn H, xã M, huyện P, tỉnh H đã đột nhập vào nhà ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965 ở thôn A, xã M, huyện P, tỉnh H để trộm cắp tài sản. Khi vào bên trong lán để xe nhà ông L, V dùng tay cây cốp của 04 xe mô tô để tìm tài sản nhưng không phát hiện gì. Thấy bếp nhà ông L không khóa, V mở cửa đi vào lục tìm và lấy được tại túi sau chiếc quần treo trên cây treo quần áo 01 ví da màu nâu rồi đi về nhà bà C. Tại nhà bà C, V kiểm tra chiếc ví vừa trộm cắp được tại nhà ông L thì thấy có số tiền 3.600.000 đồng và các giấy tờ gồm: 01 Chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 89B1-588.65; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe mô tô trên tất cả đều mang tên Nguyễn Văn L. V lấy hết số tiền 3.600.000 đồng trong ví, sau đó lấy 01 áo mưa màu hồng bọc chiếc ví da cùng toàn bộ số giấy tờ mang tên ông Nguyễn Văn L nêu trên, bỏ vào 01 chiếc túi nilon màu xanh rồi vút trên nóc mái gian để đồ của nhà anh Nguyễn Quang T. Sau đó V bỏ trốn khỏi địa phương.

[2]. Cơ quan điều tra công an huyện P, tỉnh H, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật không có vi phạm gì.

[3]. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và không bị hạn chế về năng lực hành vi nhưng đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Căn cứ các chứng cứ đã được thu thập thì có đủ căn cứ xác định, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn L số tiền 3.600.000 đồng. Hành

vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có trị giá là 3.600.000 đồng.

Bị cáo có nhiều tiền án: Bản án số 319/2012/HSST ngày 27/11/2012, Tòa án nhân dân Thành phố H, tỉnh Q xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bản án số 24/2014/HSST ngày 21/8/2014, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bản án số 126/2014/HSPT ngày 13/10/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm đã quyết định: Giữ nguyên bản án số 24/2014/HSST ngày 21/8/2014, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H.

Bản án số 45/2016/HSST ngày 26/12/2016, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bản án này bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy ở lần phạm tội này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”.

Với hành vi trộm cắp tài sản, với tính chất mức độ phạm tội, giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt, nhân thân của bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H đã truy tố bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo phạm tội nhưng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn; sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường cho người bị hại; bị cáo có bố đẻ là người có công với nước vì vậy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” vì vậy cần thiết phải buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo.

Bị cáo không có tài sản, không có công việc ổn định, không có thu nhập nên không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn L số tiền 3.600.000 đồng, ông L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về vật chứng: 01 thẻ căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng C đều mang tên Nguyễn Chí V, là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

01 mũ lưỡi trai màu xanh- trắng, 01 ví da màu nâu, 01 áo mưa hoa màu hồng, 01 túi nilon màu xanh là số vật chứng liên quan đến tội phạm và không có giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy.

[7]. Các vấn đề khác hội đồng xét xử không xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Chí V.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí V: 03 năm 06 tháng tù (Ba năm sáu tháng tù) về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2019.

Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Chí V: 01 thẻ căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng C đều mang tên Nguyễn Chí V.

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 mũ lưỡi trai màu xanh- trắng, 01 ví da màu nâu, 01 áo mưa hoa màu hồng, 01 túi nilon màu xanh.

Tình trạng vật chứng thể hiện theo Biên bản về việc giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 29/8/2019 và đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H.

Về án phí: Áp dụng Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Chí V phải chịu 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hình sự.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện P, tỉnh H;
- Công an huyện P, tỉnh H;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện P, tỉnh H;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn